

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ**

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Công văn số ~~304~~ /QĐ-THNH ngày 21/09/2023 của Trường Tiểu Học Nguyễn Huệ)

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                              | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|-------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                     | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| A     | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| I     | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1     | Lệ phí                                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|       | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|       | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2     | Phí                                                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|       | Phí ...                                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3     | Thu sự nghiệp                                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| II    | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1     | Chi sự nghiệp                                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2     | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3     | Chi hoạt động sự nghiệp                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 4     | Trích cải cách tiền lương                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 5     | Trích lập quỹ                                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 6     | Nộp thuế TNDN                                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| III   | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>          |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| B     | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| I     | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                     |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề           |                                 |                                    |            | -5.105.000                                                                          |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                 |                                    |            | -5.105.000                                                                          |

Quận 6, ngày 21 tháng 09 năm 2023



**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Hải

Số: 3615/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh dự toán ngân sách cấp năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 7330/QĐ-UBND-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao dự toán chi ngân sách năm 2023;*

*Căn cứ Công văn số 1530/UBND-TCKH ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6 về việc rà soát cắt giảm các nhiệm vụ chi không cần thiết sử dụng hoặc sử dụng không hết trong năm 2023 và đăng ký nhu cầu chi các tháng cuối năm 2023;*

*Xét đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6 tại công văn số 1608/TCKH ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc cắt giảm các nhiệm vụ chi thường xuyên không cần thiết sử dụng trong năm 2023,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh giảm dự toán chi năm 2023 đã giao cho các đơn vị do thực hiện cắt giảm các nhiệm vụ chi thường xuyên không cần thiết sử dụng trong năm hoặc sử dụng không hết và tăng dự toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6 là **1.923.586.000 đồng** (Một tỷ chín trăm hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục đính kèm).



**Điều 2.** Sau khi nhận được quyết định điều chỉnh dự toán nêu tại Điều 1, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện các thủ tục điều chỉnh kinh phí đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quận 6 và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- UBND Q6: CT, PCT/KT;
- VP.UB: CPVP/KT, TH/KT;
- Lưu VT, Hành/TCKH.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thanh Thảo**

# ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

## SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3615 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6)

ĐVT: đồng

| STT      | Tên đơn vị                             | Mã QHNS | Chương | Khoản | Mã nguồn | Số tiền              |
|----------|----------------------------------------|---------|--------|-------|----------|----------------------|
| <b>I</b> | <b>Điều chỉnh giảm dự toán</b>         |         |        |       |          | <b>1.923.586.000</b> |
| 1        | Trường Mầm non Rạng Đông 12            | 1071867 | 622    | 071   | 12       | 77.430.000           |
| 2        | Trường tiểu học Châu Văn Liêm          | 1046695 | 622    | 072   | 12       | 2.280.000            |
| 3        | Trường tiểu học Him Lam                | 1038950 | 622    | 072   | 12       | 2.740.000            |
| 4        | Trường tiểu học Lê Văn Tám             | 1050634 | 622    | 072   | 12       | 7.920.000            |
| 5        | Trường tiểu học Nguyễn Huệ             | 1074175 | 622    | 072   | 12       | 5.105.000            |
| 6        | Trường tiểu học Nguyễn Văn Luông       | 1122108 | 622    | 072   | 12       | 2.350.000            |
| 7        | Trường tiểu học Phù Đồng               | 1050636 | 622    | 072   | 12       | 1.020.000            |
| 8        | Trường THCS Lam Sơn                    | 1076947 | 622    | 073   | 12       | 1.080.000            |
| 9        | Trường THCS Hoàng Lê Kha               | 1104279 | 622    | 073   | 12       | 1.340.000            |
| 10       | Trường THCS Phú Định                   | 1037868 | 622    | 073   | 12       | 1.140.000            |
| 11       | Trường THCS Hậu Giang                  | 1038952 | 622    | 073   | 12       | 5.161.000            |
| 12       | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 1004753 | 624    | 081   | 12       | 492.770.000          |
|          |                                        |         |        | 341   | 12       | 815.450.000          |
| 13       | Phòng Giáo dục và Đào tạo              | 1073515 | 622    | 098   | 12       | 33.200.000           |
| 14       | Phòng Tài nguyên Môi trường            | 1071858 | 626    | 338   | 12       | 50.000.000           |
| 15       | Hội Cựu chiến binh                     | 1086085 | 714    | 361   | 12       | 25.000.000           |
| 16       | Tòa án                                 | 1054685 | 799    | 341   | 12       | 48.600.000           |
| 17       | Viện kiểm sát                          | 1052998 | 799    | 341   | 12       | 36.000.000           |
| 18       | Thi hành án                            | 1053932 | 799    | 341   | 12       | 32.400.000           |
| 19       | Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6      | 1004655 | 618    | 341   | 12       | 77.400.000           |
|          | Bảo hiểm xã hội                        |         |        |       |          | 39.600.000           |
|          | Kho bạc nhà nước                       |         |        |       |          | 37.800.000           |
| 20       | Thống kê                               | 1014471 | 799    | 341   | 12       | 7.200.000            |
| 21       | Chi cục thuế                           | 1056290 | 799    | 341   | 12       | 198.000.000          |



| STT       | Tên đơn vị                     | Mã QHNS | Chương | Khoản | Mã nguồn | Số tiền              |
|-----------|--------------------------------|---------|--------|-------|----------|----------------------|
| <i>II</i> | <i>Điều chỉnh tăng dự toán</i> |         |        |       |          | <i>1.923.586.000</i> |
| 1         | Phòng Tài chính - Kế hoạch     | 1004655 | 618    | 098   | 12       | 633.536.000          |
|           |                                |         |        | 338   | 12       | 50.000.000           |
|           |                                |         |        | 368   | 12       | 1.240.050.000        |
|           |                                |         |        |       |          |                      |